

Câu 1: Vùng biển Việt Nam giàu về loại tài nguyên nào?

- Câu 2:** Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

- Câu 3: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí**

- Câu 4: Điểm cực Đông của nước ta là xã Vạn Thạnh thuộc tỉnh (Thành phố)**

- A.** Đà Nẵng. **B.** Bình Thuận **C.** Khánh Hoà. **D.** Quảng Ninh.

Câu 5: Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm là

- A.** mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
B. về mùa lũ nước ngập trên diện rộng.
C. địa hình tương đối cao và khá bằng phẳng.
D. địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

Câu 6: Thế mạnh về tự nhiên của khu vực đồi núi trong việc phát triển kinh tế - xã hội là

- A.** giao thông đi lại thuận lợi, phát triển du lịch sinh thái, trồng rừng.
B. tiềm năng khoáng sản, phát triển khu dân cư, khu công nghiệp.
C. tiềm năng khoáng sản, du lịch, trồng rừng, thủy năng.
D. tiềm năng khoáng sản, giao thông, khai thác rừng, thủy năng.

Câu 7: Thời gian hoạt động của gió mùa mùa đông là

- A.** từ tháng 6 đến tháng 12.
B. từ tháng 11 đến tháng 4.
C. từ tháng 5 đến tháng 11.
D. từ tháng 5 đến tháng 10.

Câu 8: *Hướng Tây Bắc - Đông Nam ở nước ta thể hiện ở vùng núi*

- A. Đông Bắc và Tây Bắc.**
B. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.
C. Trường Sơn Nam và Tây Bắc.
D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 9: *Hướng vòng cung là hướng chính của*

- A.** các hệ thống sông lớn. **B.** dãy núi vùng Đông Bắc.
C. vùng núi Trường Sơn Bắc. **D.** dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 10: *Địa hình nước ta được chia thành 4 vùng là*

- A.** Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Tây Bắc.
B. Hoàng Liên Sơn, Tây Bắc, Trường Sơn, Cực Nam Trung Bộ.
C. Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam.
D. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

Câu 11: *Vùng đồng bằng có diện tích đất phèn, mặn nhiều nhất nước ta là*

- A.** Đồng bằng Ven biển Bắc Trung bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng Ven biển Nam Trung bộ **D.** Đồng bằng Sông Hồng.

Câu 12: *Loại đất chủ yếu của đai ôn đới gió mùa trên núi là*

- A. đất mùn** **B. đất feralit nâu đỏ.** **C. đất feralit có mùn.** **D. đất mùn thô.**

Câu 13: Nội thủy là vùng

- A. tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.
- B. nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
- C. nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.
- D. có chiều rộng 12 hải lí tính từ đất liền trở ra.

Câu 14: Vùng thường xảy ra lũ quét là

- A. đồng bằng sông Hồng.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. vùng núi phía Bắc.

Câu 15: Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi phía Bắc vào thời gian

- A. từ tháng 7 đến tháng 11.
- B. từ tháng 6 đến tháng 10.
- C. từ tháng 4 đến tháng 8.
- D. từ tháng 5 đến tháng 9.

Câu 16: Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên.
- C. cực Nam Trung Bộ.
- D. các thung lũng đá vôi ở miền Bắc.

Câu 17: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có

- A. đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển.
- B. đầy đủ ba đai khí hậu ở miền núi.
- C. hướng núi và thung lũng nổi bật là vòng cung.
- D. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.

Câu 18: Vấn đề quan trọng trong chiến lược khai thác tổng hợp và phát triển kinh tế biển của nước ta là

- A. tăng cường việc nuôi trồng thủy sản, giảm việc đánh bắt hủy diệt.
- B. sử dụng phương tiện hiện đại trong khai thác thủy sản.
- C. sử dụng hợp lý nguồn lợi biển, phòng chống ô nhiễm, phòng tránh thiên tai.
- D. có chiến lược khai thác thủy hải sản ngoài khơi, tăng cường đội tàu hiện đại.

Câu 19: Kiểu thời tiết lạnh ẩm diễn ra ở miền Bắc nước ta vào khoảng thời gian nào?

- A. Tháng cuối mùa đông.
- B. Nửa sau mùa đông.
- C. Tháng đầu mùa đông.
- D. Nửa đầu mùa đông.

Câu 20: Ranh giới phân chia khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam là

- A. Dãy Trường Sơn Nam.
- B. Dãy Hoàng Liên Sơn.
- C. Dãy Bạch Mã.
- D. Dãy Hoàng Sơn.

Câu 21: Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm là

- A. có các khu ruộng bậc cao bạc màu.
- B. có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- C. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.
- D. hẹp ngang, chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 22: Theo quy hoạch, ở vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng (%)

- A. 80 – 90%.
- B. 60 – 70%.
- C. 70 – 80%.
- D. 50 – 60%.

Câu 23: Cao hai bên, thấp ở giữa là đặc điểm của vùng núi

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 24: Loại thiên tai nào ở vùng biển Đông gây ra hậu quả nặng nề nhất cho vùng đồng bằng ven biển?

- A. Xâm thực bờ biển.
- B. Triều cường.
- C. Bão.
- D. Cát bay.

Câu 25: Theo quy hoạch thì chúng ta phải nâng độ che phủ rừng của cả nước lên đến bao nhiêu?

- A. Từ 45 đến 50%.
- B. Từ 35 đến 40%.
- C. Từ 30 đến 35%.
- D. Từ 40 đến 45%.

Câu 26: Bức chắn địa hình tạo sự khác biệt về tự nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ là

- A. dãy Bạch Mã.
- B. dãy Hoàng Liên Sơn.
- C. cánh cung Sông Gâm.
- D. dãy Trường Sơn Bắc.

Câu 27: Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi?

- A. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.
- B. Đồng bằng chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.
- C. Đồng bằng và đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- D. Địa hình núi cao chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

Câu 28: Lãnh thổ nước ta trải dài

- A. gần 17^0 vĩ.
- B. gần 15^0 vĩ.
- C. trên 12^0 vĩ.
- D. gần 18^0 vĩ.

Câu 29: Biển Đông là cầu nối giữa hai đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- C. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.
- D. Đại Tây Dương với Ấn Độ Dương.

Câu 30: Nhìn chung trên toàn quốc, mùa bão nằm trong khoảng thời gian

- A. từ tháng V đến tháng XII.
- B. từ tháng VI đến tháng XI.
- C. từ tháng III đến tháng X.
- D. từ tháng V đến tháng X.

Câu 31: Cấu trúc địa hình nước ta gồm hai hướng chính là

- A. hướng tây bắc- đông nam và hướng vòng cung.
- B. hướng đông - tây và hướng vòng cung.
- C. hướng bắc- nam và hướng vòng cung.
- D. hướng đông bắc- tây nam và hướng vòng cung.

Câu 32: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta là hệ sinh thái rừng

- A. ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. rậm thường xanh quanh năm.
- D. nhiệt đới khô lá rộng và xavan.

Câu 33: Đất feralit ở nước ta có đặc điểm nổi bật là

- A. có màu đỏ vàng, đất chua.
- B. có màu đỏ vàng, lớp đất mỏng.
- C. có màu đen, xốp, dễ thoát nước.
- D. có màu nâu đỏ, giàu mùn.

Câu 34: Gió mùa Đông Bắc làm cho đồng bằng Bắc Bộ có mùa đông lạnh với 2-3 tháng có nhiệt độ

- A. $<10^0\text{C}$.
- B. $<18^0\text{C}$.
- C. $<16^0\text{C}$.
- D. $<20^0\text{C}$.

Câu 35: Vùng Đông Bắc có các cánh cung núi lớn nào?

- A. Cánh cung Sông Gâm- Bắc Sơn- Ngân Sơn - Đông Triều.
- B. Cánh cung Hoàng Liên Sơn – Ngân Sơn- Đông Triều.
- C. Cánh cung sông Mã - sông Cả - Đông Triều- Bắc Sơn.
- D. Cánh cung Hoàng Liên Sơn – Sông Gâm- Ngân Sơn.

Câu 36: Nước Việt Nam nằm ở

- A. rìa phía đông châu Á, khu vực ôn đới.
- B. rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- C. phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
- D. bán đảo Trung Ấn, khu vực cận nhiệt đới.

Câu 37: Bức chắn địa hình tạo sự khác biệt về tự nhiên giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên là

- A. dãy Trường Sơn.
- B. dãy Hoàng Sơn.
- C. dãy Bạch Mã.
- D. dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 38: Đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung là

- A. đồng bằng có các vùng trũng lớn chưa được bồi lấp xong.
- B. đồng bằng hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- C. bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.
- D. địa hình thấp và bằng phẳng, diện tích đất phù sa lớn.

Câu 39: Vùng núi có các bề mặt cao nguyên badan tương đối bằng phẳng, nằm ở các bậc độ cao khác nhau là

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Trường Sơn Bắc.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 40: Hoạt động ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là

- A. mài mòn – bồi tụ. B. xâm thực - bồi tụ. C. xói mòn – rửa trôi. D. xâm thực – mài mòn.

Câu 41: Điểm cực Bắc, Nam, Tây, Đông của nước ta lần lượt thuộc các tỉnh

- A. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa. B. Hà Giang, Cà Mau, Lào Cai, Khánh Hòa.
C. Hà Giang, Cà Mau, Lai Châu, Ninh Thuận. D. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Bình Thuận.

Câu 42: Về kinh tế thì việc bảo vệ rừng có ý nghĩa

- A. chống xói mòn, rửa trôi đất. B. hạn chế lũ lụt, sạt lở.
C. cung cấp gỗ, phát triển du lịch. D. điều hòa khí hậu.

Câu 43: Giới hạn của dãy núi Trường Sơn Bắc là

- A. phía Nam sông Cả tới dãy Bạch Mã. B. phía Nam sông Cả tới dãy Hoành Sơn.
C. phía Nam sông Đà tới dãy Bạch Mã. D. phía Nam sông Mã tới dãy Bạch Mã.

Câu 44: Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kỳ giữa và cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

- A. Bắc Ấn Độ Dương. B. cận chí tuyến bán cầu Bắc.
C. cận chí tuyến bán cầu Nam. D. lạnh phương Bắc.

Câu 45: Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc nước ta vào nửa đầu mùa đông là

- A. lạnh và khô. B. lạnh và có mưa phùn. C. lạnh và ẩm. D. ẩm và có mưa phùn.

Câu 46: Ranh giới tự nhiên của Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là dãy núi

- A. Hoành Sơn. B. Tam Đảo. C. Bạch Mã. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 47: Điểm cực Tây của nước ta là xã Sín Thầu thuộc tỉnh

- A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Sơn La. D. Lào Cai.

Câu 48: Thiên nhiên nước ta không có đai cao nào?

- A. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi. B. Đai nhiệt đới gió mùa.
C. Đai xích đạo gió mùa. D. Đai ôn đới gió mùa trên núi.

Câu 49: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. Là một biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.
C. Nằm phía đông của Thái Bình Dương.
D. Phía đông và đông nam mở ra đại dương.

Câu 50: Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của

- A. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. B. đồng bằng sông Cửu Long.
C. đồng bằng sông Hồng D. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.

Câu 51: Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 52: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. gồm các dãy núi liên kết với các cao nguyên. B. có 4 cánh cung núi lớn.
C. có địa hình cao nhất nước ta. D. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 53: Lượng mưa trung bình năm trên lãnh thổ nước ta dao động trong khoảng

- A. 1500 – 2000 mm. B. 3000 – 4000 mm. C. 500 – 1000 mm. D. 2500 – 3000 mm.

Câu 54: Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là

- A. Lào, Campuchia, Trung Quốc. B. Lào, Trung Quốc, Campuchia.
C. Trung Quốc, Lào, Campuchia. D. Trung Quốc, Campuchia, Lào

Câu 55: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa lớn ở vùng

- A. Tây nguyên và Nam Bộ. B. Phía Bắc đèo Hải Vân.
C. Nam Bộ và Trung bộ. D. Phía Nam đèo Hải Vân.

Câu 56: Thời gian hoạt động của gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta là

- A.** từ tháng 7 đến tháng 9.
B. từ tháng 5 đến tháng 10.
C. từ tháng 6 đến tháng 12.
D. từ tháng 10 đến tháng 12.

Câu 57: Điểm cực Nam của nước ta là xã Đất Mũi thuộc tỉnh

- A. Cà Mau.** **B. Kiên Giang.** **C. Bạc Liêu.** **D. Sóc Trăng.**

Câu 58: Đây là đặc điểm của bão ở nước ta?

- A.** Chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B. **B.** Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.
C. Diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước. **D.** Tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.

Câu 59: *Đặc điểm nào sau đây của địa hình chứng tỏ mang đặc tính vùng nhiệt đới ẩm gió mùa?*

- A.** Xâm thực mạnh ở miền đồi núi. **B.** Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ.
- C.** Có nhiều đồi núi, độ dốc cao. **D.** Có nhiều khối núi cao đồ sộ.

Câu 60: Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là

- A. Nam Bộ** **B. Đông Bắc.** **C. Cực Nam Trung Bộ.** **D. Tây Bắc.**

Câu 61: *Hướng gió chính gây mưa cho đồng bằng Bắc Bộ vào mùa hè là*

- A. Đông Bắc.** **B. Đông Nam.** **C. Tây Nam.** **D. Tây Bắc.**

Câu 62: Số lượng tỉnh (thành phố) giáp biển của nước ta là

- A. 29.** **B. 25.** **C. 31.** **D. 28.**

Câu 63: *Loại khoáng sản nào có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng thềm lục địa nước ta?*

- A.** Kim loại đen. **B.** Dầu khí **C.** Than bùn. **D.** Kim loại màu.

Câu 64: Các cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều nằm trong vùng núi nào?

- A. Trường Sơn Nam. B. Trường Sơn Bắc. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.**

Câu 65: *Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho địa hình nước ta*

- A.** bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô. **B.** bị xâm thực mạnh ở vùng đồi núi.
C. nhiễm mặn ở đồng bằng hạ lưu sông. **D.** chia cắt ở các đồng bằng ven biển.

Câu 66: Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm là

- A.** đới rừng cận xích đạo gió mùa là cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu.
B. mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa.
C. thành phần động thực vật phần lớn thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới.
D. nhiệt độ trung bình năm trên 20°C , có 2 mùa: Đông và Hạ.

Câu 67: Nơi hình thành loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất ở nước ta là

- A.** sơn nguyên Đồng Văn. **B.** Tây Nguyên
C. khu vực Quảng Bình, Quảng Trị. **D.** khu vực Nam Trung Bộ.

Câu 68: *Thiếu nước nghiêm trọng trong mùa khô là khó khăn lớn trong sử dụng đất đai của miền*

- A. Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.** **B. Tây Bắc.**
C. Bắc Trung Bộ. **D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.**

Câu 69: So với diện tích đất đai nước ta, địa hình đồi núi chiếm

- A.** $\frac{4}{5}$. **B.** $\frac{2}{3}$. **C.** $\frac{3}{4}$. **D.** $\frac{3}{5}$.

Câu 70: *Nước ta đô ảm trong không khí luôn vượt quá*

- A. 90%. B. 60%. C. 70%. D. 80%.**

Câu 71: Đồng Bằng Sông Cửu Long có hai vùng trũng lớn là

- A.** Tứ Giác Long Xuyên và Cà Mau. **B.** Cà Mau và Đồng Tháp Mười.
C. Tứ Giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười. **D.** Kiên Giang và Đồng Tháp Mười.

Câu 72: Từ Đà Nẵng trở vào, hướng thổi chiếm ưu thế của gió Tín phong bán cầu Bắc từ tháng 11-4 năm sau là hướng

- A.** Đông Nam. **B.** Tây Bắc. **C.** Tây Nam. **D.** Đông Bắc.

Câu 73: *Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy bạch Mã trở vào) có đặc điểm*

- A. sự phân mùa nóng, lạnh làm thay đổi cảnh sắc thiên nhiên theo mùa.**

B. trong rừng còn xuất hiện các loại cây cận nhiệt đới và thú có lông dày.

C. cảnh quan tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

D. biên độ nhiệt trung bình năm lớn; có 2-3 tháng nhiệt độ $< 18^{\circ}\text{C}$.

Câu 74: Ảnh hưởng của biển Đông làm cho khí hậu nước ta

A. tăng tính chất lạnh khô mùa đông.

B. mang tính chất nhiệt đới.

C. tăng tính khắc nghiệt thời tiết.

D. mang đặc tính khí hậu hải dương.

Câu 75: Phạm vi lãnh thổ vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ

A. khu vực đồng bằng và đồi núi.

B. phần đất liền và thềm lục địa.

C. phần đất liền và các hải đảo.

D. khu vực đồng bằng và thềm lục địa.

Câu 76: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta cao, vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới với biểu hiện là

A. trên 20°C (trừ vùng núi Tây Bắc).

B. trên 20°C (trừ vùng núi thấp).

C. trên 20°C (trừ vùng núi Đông Bắc).

D. trên 20°C (trừ vùng núi cao).

Câu 77: Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là

A. núi cao.

B. núi trung bình.

C. đồi núi thấp.

D. đồng bằng.

Câu 78: Thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều

A. Đông – Tây, Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.

B. Bắc- Nam, Đông - Tây và theo độ cao.

C. Bắc- Nam, Đông - Tây và Đông Bắc- Tây Nam.

D. Bắc- Nam, Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.

Câu 79: Đường biên giới trên đất liền nước ta với nước nào dài nhất?

A. Campuchia.

B. Thái Lan.

C. Lào.

D. Trung Quốc.

Câu 80: Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng

A. ven biển.

B. đồi núi thấp.

C. đồng bằng.

D. núi cao.

Câu 81: Trong tổng diện tích đất rừng ở nước ta, chiếm tỉ lệ lớn nhất là

A. đất trồng, đồi núi trọc.

B. rừng giàu.

C. rừng non mới phục hồi.

D. rừng tự nhiên

Câu 82: Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai cao?

A. Năm đai cao.

B. Ba đai cao.

C. Bốn đai cao.

D. Hai đai cao.

Câu 83: Dọc bờ biển nước ta trung bình cứ bao nhiêu km lại gặp 1 cửa sông?

A. 40km.

B. 30km.

C. 20km.

D. 10km.

Câu 84: Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích của nước ta?

A. 95%.

B. 85%.

C. 75%.

D. 65%.

Câu 85: Ở miền nam nước ta đai nhiệt đới gió mùa chân núi lên đến độ cao

A. 800-900m.

B. 600-700m.

C. 900-1000m.

D. 700-800m.

Câu 86: Dãy núi có địa hình cao nhất nước ta là

A. Hoàng Liên Sơn.

B. Trường Sơn Nam.

C. Con voi.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 87: Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

A. Á và TBD.

B. Á-Âu và TBD.

C. Á-Âu và ẤĐD.

D. Á và Ấn Độ Dương.

Câu 88: Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Là miền duy nhất có địa hình núi cao với đầy đủ các đai cao.

B. Vòng cung là hướng chính của các dãy núi và các dòng sông.

C. Địa hình khá phức tạp với các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên.

D. Đai cao cận nhiệt đới ở mức 1000 m trở lên.

Câu 89: Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C , mưa nhiều, độ ẩm tăng là đặc điểm khí hậu của đai nào?

A. Đai nhiệt đới gió mùa trên núi.

B. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi

C. Cả đai cận nhiệt và đai ôn đới gió mùa.

D. Đai ôn đới gió mùa trên núi.

Câu 90: Nét đặc trưng cơ bản về địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. đồi núi thấp chiếm ưu thế, các dãy núi có hướng vòng cung.
- B. địa hình núi cao với đủ 3 đai cao.
- C. địa hình gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn.
- D. địa hình cao, các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 91: Ý nào sau đây đúng về hiện trạng tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay?

- A. Diện tích rừng trồng lớn hơn rừng tự nhiên.
- B. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
- C. Rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm tỉ lệ nhỏ.
- D. Diện tích rừng chiếm trên 70% lãnh thổ.

Câu 92: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. đới rừng xích đạo.
- C. đới rừng cận xích đạo gió mùa.
- D. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 93: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. trong năm, Mặt Trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- B. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
- C. trong năm, Mặt Trời qua thiên đỉnh hai lần.
- D. hằng năm nước ta nhận lượng nhiệt Mặt Trời lớn.

Câu 94: Thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp vùng biển sâu là tiêu biểu của địa hình bờ biển ở

- A. đồng bằng Nam Bộ.
- B. dải đồng bằng từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.
- C. đồng bằng Bắc Bộ.
- D. dải đồng bằng ven biển Trung Bộ.

Câu 95: Loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta là

- A. đất mùn thô.
- B. đất phù sa mới.
- C. đất xám bạc màu.
- D. đất feralit.

Câu 96: Hiện tượng thường đi liền với bão là

- A. động đất.
- B. mưa đá.
- C. sóng thần.
- D. lũ lụt.

Câu 97: Hướng Tây Bắc- Đông Nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt trong khu vực

- A. Từ dãy Bạch Mã xuống phía nam.
- B. Từ dãy Bạch Mã lên phía bắc.
- C. từ tả ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.
- D. từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

Câu 98: Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió nào sau đây chiếm ưu thế?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Nam.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 99: Ở nước ta bão tập trung nhiều nhất vào

- A. tháng 8.
- B. tháng 10.
- C. tháng 7.
- D. tháng 9.

Câu 100: Đồng bằng sông Hồng do hệ thống sông nào bồi đắp phù sa?

- A. Sông Tiền và Sông Hậu.
- B. Sông Hồng và Sông Mê Công.
- C. Sông Cả và sông Mã.
- D. Sông Hồng và sông Thái Bình.

Câu 101: Thiên nhiên ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận xích đạo gió mùa có mùa hạ nóng.
- B. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 102: Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như phần lãnh thổ trên đất liền?

- A. Tiếp giáp lãnh hải.
- B. Thềm lục địa.
- C. Lãnh hải.
- D. Nội thủy.

Câu 103: Nhóm đất có diện tích lớn trong đai nhiệt đới gió mùa chân núi là

- A. đất đồng bằng.
- B. đất mùn thô.
- C. đất feralit.
- D. đất mùn axit.

Câu 104: Điểm cực Bắc của nước ta là xã Lũng Cú thuộc tỉnh

- A. Hà Giang. B. Cao Bằng C. Lạng Sơn. D. Lào Cai.

Câu 105: Các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng và nông là tiêu biểu của địa hình bờ biển ở

- A. đồng bằng bắc Trung Bộ. B. đồng bằng nam Trung Bộ.
C. đồng bằng Bắc Bộ. D. đồng bằng duyên hải miền Trung.

Câu 106: Hướng chính của gió mùa mùa hạ khi thổi vào nước ta là

- A. Tây Nam. B. Tây Bắc. C. Đông Nam. D. Đông Bắc

Câu 107: Các khối khí di chuyển qua biển (trong đó có biển Đông) mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm là

- A. lượng mưa lớn, cân bằng ẩm luôn âm.
B. tổng lượng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
C. độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương.
D. nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc trên 20°C.

Câu 108: Địa hình nước ta thấp dần từ

- A. tây bắc xuống đông nam. B. đông bắc xuống tây nam.
C. bắc xuống nam. D. tây bắc xuống tây nam.

Câu 109: Đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. núi thấp chiếm ưu thế và thấp dần từ tây bắc- đông nam.
B. Địa hình nâng cao ở hai đầu thấp ở giữa.
C. có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông- Tây.
D. Gồm những dãy núi song song và so le nhau theo hướng TB-ĐN.

Câu 110: Địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta chiếm bao nhiêu % diện tích cả nước?

- A. 1%. B. 2%. C. 3%. D. 4%.

Câu 111: Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là

- A. quá trình tích tụ các chất badan dễ tan. B. quá trình hình thành đá ong.
C. quá trình feralit mạnh ở đồi núi thấp. D. quá trình tích tụ mùn trên núi.

Câu 112: Đại ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở

- A. dãy Hoàng Liên Sơn. B. khối núi Phong Nha- Kẻ Bàng.
C. vùng núi Đông Bắc. D. Tây Nguyên.

Câu 113: Theo quy định thì hiện nay nước ta quy hoạch mấy loại rừng?

- A. 3 loại rừng. B. 4 loại rừng. C. 2 loại rừng. D. 5 loại rừng.

Câu 114: Các dãy núi nước ta chủ yếu chạy theo hướng

- A. Tây Bắc - Đông Nam. B. Tây Nam- Đông Bắc.
C. Bắc- Nam. D. Đông – Tây.

Câu 115: Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay là

- A. mất cân bằng sinh thái và ô nhiễm môi trường.
B. suy giảm đa dạng sinh vật và suy giảm tài nguyên nước.
C. suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm tài nguyên đất.
D. suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh vật.

Câu 116: Trong giới sinh vật ở nước ta, thành phần loài nào chiếm ưu thế?

- A. Nhiệt đới. B. Ôn đới. C. Cận nhiệt. D. Cận cực.

Câu 117: Nét đặc trưng cơ bản về khí hậu của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. có khí hậu cận xích gió mùa, phân chia 2 mùa mưa - khô rõ rệt.
B. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm sút, tính chất nhiệt đới tăng dần.
C. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên 1 mùa đông lạnh.
D. ảnh hưởng của biển tăng dần, gió tây nam hoạt động yếu.

Câu 118: Hướng chính của gió mùa mùa đông khi thổi vào nước ta là

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc D. Tây Nam.

Câu 119: 122 Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc

- A. thành phố Hồ Chí Minh. B. tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
C. thành phố Hải Phòng. D. tỉnh Cà Mau.

Câu 120: Vùng núi Tây Bắc nước ta nằm ở

- A. phía Nam dãy Bạch Mã về phía nam. B. giữa sông Hồng và sông Cả.
C. từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã. D. phía đông của thung lũng sông Hồng.

Câu 121: Việt Nam có đường biên giới trên đất liền với những quốc gia nào?

- A. Lào, Campuchia, Mianma. B. Thái Lan, Trung Quốc, Campuchia.
C. Trung Quốc, Lào, Campuchia. D. Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 122: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là

- A. phòng, chống, khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển.
B. cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.
C. đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
D. đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.

Câu 123: 120 Đối với nước ta, để bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái cần phải

- A. đạt độ che phủ rừng lên trên 30%. B. nâng diện tích rừng lên khoảng 10 triệu ha.
C. nâng độ che phủ cả nước lên đến 45%-50%. D. duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.

Câu 124: Ở miền bắc nước ta đai nhiệt đới gió mùa chân núi có độ cao trung bình dưới

- A. 900-1000m. B. 800-900m. C. 600-700m. D. 700-800m.

Câu 125: Các đồng bằng tương đối lớn nằm dọc ven biển miền trung, lần lượt từ Bắc vào Nam là

- A. Nghệ An, Thanh Hóa, Tuy Hòa, Quảng Nam. B. Thanh Hóa, Nghệ An, Tuy Hòa, Quảng Nam.
C. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Tuy Hòa. D. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Tuy Hòa.

Câu 126: Vùng núi Trường Sơn Nam có vị trí

- A. từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã. B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
C. nằm ở phía Nam dãy Bạch Mã. D. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng.

Câu 127: Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả của

- A. chế độ nước sông theo mùa. B. sông ngòi nhiều nước.
C. quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng núi. D. mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 128: Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là

- A. lãnh hải. B. thềm lục địa. C. đặc quyền kinh tế. D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 129: Hai bể dầu lớn nhất hiện đang được khai thác ở nước ta là

- A. bể Thổ - Chu Mã Lai và bể sông Hồng. B. bể Sông Hồng và bể Trung bộ.
C. bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long D. bể Cửu Long và bể Sông Hồng.

Câu 130: Ranh giới được gọi là đường biên giới trên biển của nước ta là ranh giới của

- A. vùng đặc quyền kinh tế. B. nội thủy. C. tiếp giáp lãnh hải. D. lãnh hải.

Câu 131: Khí hậu Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với mấy mùa gió chính?

- A. Bốn mùa gió chính. B. Một mùa gió chính. C. Ba mùa gió chính. D. Hai mùa gió chính.

Câu 132: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A. địa hình thấp và hẹp ngang nhất nước.
B. gồm các khối núi và cao nguyên hướng vòng cung.
C. có bốn cánh cung núi lớn mở ra về phía bắc và phía đông.
D. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

Câu 133: Ở độ cao trên 2600m khí hậu mang tính chất

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. cận nhiệt. D. ôn đới.

Câu 134: Vùng đất là

- A. các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.
B. phần đất liền tiếp giáp với vùng biển.
C. phần giới hạn bởi đường biên giới và đường bờ biển.
D. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.

Câu 135: Hai đồng bằng châu thổ sông lớn ở nước ta gồm

- A. đồng bằng sông Tiền và đồng bằng sông Hậu.
B. đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Thái Bình.
C. đồng bằng sông Đồng Nai và đồng bằng sông Cửu Long.
D. đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 136: Ở đồng bằng ven biển miền Trung thường có sự phân chia thành 3 dải, lần lượt từ biển vào là

- A. vùng trũng thấp- cồn cát, đầm phá- đồng bằng. B. cồn cát, đầm phá- đồng bằng- vùng trũng thấp
C. cồn cát, đầm phá- vùng trũng thấp- đồng bằng. D. đồng bằng- cồn cát, đầm phá- vùng trũng thấp.

Câu 137: Dãy đồi trung du rộng nhất nước ta nằm ở rìa

- A. ĐB miền trung. B. ĐNB. C. ĐBSCL. D. ĐBSH.

Câu 138: So với đồng bằng sông Cửu Long thì đồng bằng sông Hồng

- A. cao hơn và bằng phẳng hơn. B. thấp hơn và bằng phẳng hơn.
C. thấp hơn và ít bằng phẳng hơn. D. cao hơn và ít bằng phẳng hơn.

Câu 139: Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta không có biểu hiện nào dưới đây?

- A. Suy giảm về nguồn gen quý hiếm. B. Suy giảm về số lượng loài.
C. Suy giảm về hệ sinh thái. D. Suy giảm thể trạng các cá thể.

Câu 140: Biểu hiện nào sau đây không phải của tính chất nhiệt đới ở nước ta?

- A. Nhiều nắng, tổng số giờ nắng đạt tới 1400 đến 3000h/năm.
B. Nhiệt độ trung bình năm toàn quốc trên 20°C (trừ vùng núi cao).
C. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
D. Khí hậu phân chia thành bốn mùa rõ rệt.

Câu 141: Ở nước ta, gió Tín Phong hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào?

- A. Giữa mùa gió Đông Bắc và giữa mùa gió Tây Nam. B. Giữa mùa gió Đông Bắc.
C. Giữa mùa gió Tây Nam. D. Chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

Câu 142: Nhận định nào sau đây không chính xác về đặc điểm của biển Đông?

- A. Vùng biển rộng, tương đối kín. B. Giàu khoáng sản và hải sản.
C. Có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. Nhiệt độ nước biển thấp.

Câu 143: Ở Việt Nam, những vùng có lượng mưa cao nhất thường phân bố ở

- A. các đỉnh núi cao trên 2000m. B. vùng khuất gió.
C. vùng đồng bằng. D. sườn núi cao và đón gió biển.

Câu 144: Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển ngày càng suy giảm là do

- A. tăng cường xuất khẩu hải sản. B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
C. thiên tai gia tăng. D. khai thác quá mức

Câu 145: Để bảo vệ tài nguyên đất ở miền núi biện pháp nào sau đây không thích hợp?

- A. Bảo vệ rừng và đất rừng, tổ chức định canh định cư.
B. Làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá, trồng cây theo băng.
C. Cải tạo đất hoang đồi núi trọc bằng các biện pháp nông- lâm kết hợp.
D. Chống bạc màu, tiến hành du canh du cư.

Câu 146: Đặc điểm nào sau đây không phải biểu hiện của quá trình xâm thực vùng đồi núi?

- A. Các vùng thềm phù sa cổ bị bào mòn.
- B. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất xói mòn.
- C. Hiện tượng đất trượt, đá lở xảy ra khi mưa lớn.
- D. Mỏ mang nhanh chóng đồng bằng hạ lưu.

Câu 147: Phạm vi ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa đông là

- A. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.
- C. ven biển miền Trung.
- D. từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.

Câu 148: Để bảo vệ đa dạng sinh học nước ta, biện pháp nào sau đây không đúng?

- A. Ban hành sách đỏ Việt Nam.
- B. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia.
- C. Giao quyền khai thác cho người dân.
- D. Quy định việc khai thác.

Câu 149: Phát biểu nào sau đây không đúng về đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Hình thành do sông Tiền và Sông Hậu bồi tụ phù sa.
- B. Diện tích rộng lớn hơn 40.000km².
- C. Địa hình bị chia cắt thành nhiều ô và có đê bao bọc.
- D. Diện tích đất phèn, đất mặn còn lớn.

Câu 150: Hàm lượng phù sa sông ngòi nước ta lớn do

- A. tổng lượng nước sông lớn.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. xâm thực, bào mòn mạnh mẽ ở vùng đồi núi.
- D. chế độ nước sông thay đổi theo mùa.

Câu 151: Khu vực có mưa lớn tập trung vào thu- đông ở nước ta là

- A. đồng bằng Nam Bộ.
- B. đồng bằng Bắc Bộ.
- C. ven biển Trung Bộ.
- D. khu vực Tây Nguyên.

Câu 152: Phát biểu nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông mở rộng.
- B. Vùng biển lớn gấp ba lần diện tích đất liền.
- C. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.
- D. Thềm lục địa miền trung thu hẹp giáp với vùng biển nước sâu.

Câu 153: Đặc điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

- A. Hầu như bị chặn lại bởi bức chắn dãy Bạch Mã.
- B. Chỉ hoạt động chủ yếu ở miền Bắc.
- C. Thổi liên tục suốt mùa đông.
- D. Tạo nên mùa đông có 2 – 3 tháng lạnh ở miền Bắc.

Câu 154: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.
- C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- D. Kéo dài liên tục suốt 4 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 155: Nguyên nhân tạo nên sự phân hóa khí hậu theo hướng Bắc - Nam là do

- A. số lần mặt trời đi qua thiên đỉnh ở phía Bắc nhiều hơn phía Nam.
- B. gió mùa Tây Nam gây mưa không đều ở miền Bắc và miền Nam nước ta.
- C. tăng lượng bức xạ Mặt Trời và giảm sút ảnh hưởng của khối khí lạnh về phía Nam.
- D. sự phân hóa khí hậu theo độ cao và gió đông bắc hoạt động không đều.

Câu 156: Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là

- A. di dân ở những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét.
- B. xây dựng các hồ chứa nước.
- C. bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.
- D. quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 157: Đặc điểm nào sau đây không đúng về vùng nội thủy của nước ta?

- A. Được tính từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở.
- B. Vùng nội thủy được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
- C. Là đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải của nước ta.
- D. Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

Câu 158: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

- A. Gió phơn Tây Nam.
- B. Gió Mậu dịch Nam bán cầu.
- C. Gió Mậu dịch Bắc bán cầu.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 159: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc?

- A. Xuất hiện nhiều loại cây chịu hạn, rụng lá vào mùa khô.
- B. Cảnh quan tiêu biểu là đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
- D. Có mùa đông lạnh 2-3 tháng.

Câu 160: Ý nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?

- A. Làm tăng tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông.
- B. Làm khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương.
- C. Làm giảm tính nóng bức trong mùa hạ.
- D. Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.

Câu 161: Hai vấn đề lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay là

- A. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước.
- B. ô nhiễm môi trường nước và nguồn nước có sự phân hóa giữa các vùng.
- C. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và nguy cơ cạn kiệt nguồn nước ngầm.
- D. nguồn nước ngầm có nguy cơ cạn kiệt và ô nhiễm môi trường nước.

Câu 162: Ở nước ta, những nơi có mùa mưa và mùa khô rõ rệt là

- A. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
- C. Vùng núi Tây Bắc và Tây Nguyên.
- D. Nam Bộ và ven biển Trung Bộ.

Câu 163: Hệ sinh thái nào sau đây không thuộc đai nhiệt đới gió mùa chân núi?

- A. Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim.
- B. Rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi.
- C. Rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- D. Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 164: Điểm giống nhau ở 2 hai đồng bằng ĐBSH và ĐBSCL là

- A. đều do phù sa sông lớn bồi đắp.
- B. bị nhiễm mặn nặng nề.
- C. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.
- D. có hệ thống đê điều chạy dài.

Câu 165: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Có địa hình cao nhất nước ta.
- C. Có những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông.
- D. Bề mặt cao nguyên tương đối bằng phẳng ở phía Tây.

Câu 166: Càng về phía nam nước ta thì

- A. biên độ nhiệt càng tăng.
- B. nhiệt độ trung bình càng tăng.
- C. nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
- D. nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

Câu 167: Ở miền Bắc nước ta, nhiệt độ vào mùa đông thấp là do

- A. chịu tác động của gió mùa Tây Nam.
- B. chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.
- C. chịu tác động của gió Tín Phong.
- D. ảnh hưởng dãy Trường Sơn chắn gió.

Câu 168: Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương, nên Việt Nam có nhiều

- A. tài nguyên sinh vật quý giá.
- B. tài nguyên khoáng sản.
- C. bão và lũ lụt.
- D. vùng tự nhiên khác nhau trên lãnh thổ

Câu 169: Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc chủ yếu là do

- A. tác động của Tín Phong với độ cao địa hình.
- B. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
- C. tác động của vĩ độ địa lí và hướng các dãy núi.
- D. hoạt động của gió mùa mùa hạ và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 170: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm địa hình nước ta?

- A. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.
- B. Đồng bằng chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước
- C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

Câu 171: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, điều này được thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích cả nước.
- B. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích.
- C. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$, núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích cả nước.
- D. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích và 85% là đồi núi thấp (dưới 1000m).

Câu 172: Biện pháp phòng chống bão cần chú ý hàng đầu là

- A. củng cố công trình đê biển.
- B. dự báo chính xác về hướng di chuyển.
- C. tàu thuyền trên biển phải đến nơi cư trú an toàn.
- D. sơ tán dân khỏi các vùng có nguy cơ lớn.

Câu 173: Phát biểu nào sau đây không đúng về biển Đông?

- A. phía bắc và phía tây là lục địa, phía đông và đông nam là các vòng cung đảo.
- B. phía bắc và phía đông là lục địa, phía tây và tây nam là các vòng cung đảo.
- C. biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được thể hiện qua các yếu tố hải văn.

Câu 174: Nguyên nhân nào sau đây làm cho tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ nước ta đến muộn hơn Bắc Bộ?

- A. Nam Bộ xa chí tuyến, gần xích đạo.
- B. dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- C. gió Tây Nam kết thúc hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- D. gió Tây Nam từ Bắc ÁĐĐ đến Nam Bộ sớm hơn.

Câu 175: Biện pháp phòng chống bão nào dưới đây không đúng?

- A. Vùng ven biển cần củng cố công trình đê biển.
- B. Các tàu thuyền trên biển càng ra xa bờ càng tốt.
- C. Kết hợp chống úng, lụt ở đồng bằng và xói mòn ở miền núi.
- D. Nếu có bão mạnh, cần khẩn trương sơ tán dân.

Câu 176: Đặc điểm nào sau đây không đúng về đặc điểm của sông ngòi Việt Nam?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Cứ trung bình 20m gặp 1 cửa sông.
- C. Chế độ nước theo mùa.
- D. Sông ngòi nhiều nước và giàu phù sa.

Câu 177: Đồi núi nước ta có sự phân bậc là do

- A. phần lớn là núi có độ cao dưới 2000 m bị bào mòn.
- B. địa hình chịu tác động của vận động Tân Kiến Tạo làm trẻ lại.
- C. trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.
- D. chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại Cổ sinh.

Câu 178: Ý nào sau đây đúng với địa hình ĐBSH?

- A. Vùng trong đê hằng năm được bồi phù sa.
- B. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
- C. Có các vùng trũng rộng lớn chưa bồi lấp xong.
- D. Bề mặt bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 179: Hệ sinh thái rừng ngập mặn của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 180: Diện tích rừng suy giảm gây nên hậu quả nào là quan trọng nhất toàn cầu?

- A. Xói mòn đất ở vùng miền núi vào mùa mưa.
B. Sự thay đổi bất thường của khí hậu - thời tiết.
C. Sự suy giảm nguồn nước ngầm.
D. Lũ lụt nhanh ở đồng bằng hạ lưu.

Câu 181: Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng ở nước ta là

- A. gây trồng rừng, có kế hoạch mở rộng diện tích rừng.
B. bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.
C. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.
D. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

Câu 182: Phát biểu nào sau đây đúng với tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.
B. Tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
C. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.
D. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.

Câu 183: Vì sao sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa?

- A. Do chế độ mưa thất thường. B. Do chế độ khí hậu mưa mùa.
C. Do sông ngắn, dốc. D. Do lượng mưa nhiều.

Câu 184: Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc-Nam) là sự phân hóa của

- A. đất đai. B. địa hình. C. khí hậu. D. sinh vật.

Câu 185: Thế mạnh nào sau đây không phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng?

- A. Phát triển giao thông vận tải.
B. Phát triển nông nghiệp lúa nước.
C. Phát triển cây công nghiệp dài ngày.
D. Nơi tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

Câu 186: Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung bộ ?

- A. Mưa đều giữa các tháng trong năm. B. Mưa dài nhất trong cả nước.
C. Mưa nhiều vào thời kì thu đông. D. Mưa tập trung nhất vào mùa hạ.

Câu 187: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta là

- A. cao nhất ở miền Bắc. B. tăng dần từ Nam ra Bắc.
C. giảm dần từ Nam ra Bắc. D. không khác nhau mấy giữa các vùng.

Câu 188: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự suy giảm tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là do

- A. nạn cháy rừng. B. sự tàn phá của chiến tranh.
C. khai thác bừa bãi, quá mức. D. chủ trương, chính sách của nhà nước.

Câu 189: Hậu quả nào sau đây không phải do tài nguyên rừng bị suy thoái?

- A. Mất cân bằng về tài nguyên nước.
B. Diện tích đất trống đồi trọc tăng lên.
C. Nguồn tài nguyên nước bị ô nhiễm.
D. Ảnh hưởng đến ngành khai thác và chế biến lâm sản.

Câu 190: Biển có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do

- A. hướng núi tạo điều kiện cho ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền.
B. biển Đông là một biển rộng.
C. hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang.
D. bờ biển có nhiều vũng, vịnh ăn sâu vào trong đất liền.

Câu 191: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái

- A. giống như vùng ôn đới.
- B. xích đạo gió mùa.
- C. cận nhiệt đới gió mùa.
- D. cận xích đạo gió mùa.

Câu 192: Sự phân hóa thiên nhiên theo hướng Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do

- A. hướng vòng cung vùng Đông Bắc hút gió mùa xuống sâu phía Nam.
- B. tác động của biển vào đất liền.
- C. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
- D. ánh nắng mặt trời chiếu xuống khác nhau giữa 2 sườn núi.

Câu 193: Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng đang được triển khai ở nước ta hiện nay là

- A. nhập khẩu gỗ từ các nước để chế biến.
- B. cấm không được khai thác và xuất khẩu gỗ.
- C. giao đất giao rừng cho người dân quản lí.
- D. trồng mới 5 triệu ha rừng cho đến năm 2020.

Câu 194: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- B. Hướng núi chính là đông bắc - tây nam.
- C. Chịu tác động mạnh mẽ của con người.
- D. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

Câu 195: Miền Bắc ở độ cao trên 600m, miền Nam phải 1000m mới có khí hậu cận nhiệt vì

- A. địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- B. nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.
- C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
- D. miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.

Câu 196: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì

- A. có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- B. mưa nhiều rửa trôi các chất bazo.
- C. quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh.
- D. có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .

Câu 197: Quá trình xâm thực xảy ra mạnh mẽ ở những nơi có

- A. địa hình thấp, lượng mưa lớn.
- B. địa hình cao, sườn dốc, lượng mưa lớn.
- C. địa hình thấp, lượng mưa nhỏ.
- D. địa hình cao, lượng mưa nhỏ.

Câu 198: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào)?

- A. Khí hậu chia hai mùa: mưa và khô rõ rệt.
- B. Ở đồng bằng vào mùa đông trồng được cả rau ôn đới.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.
- D. Thiên nhiên mang sắc thái vùng cận xích đạo gió mùa.

Câu 199: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì

- A. không có bão, lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
- B. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
- C. có thêm lục địa thoải với các bãi triều thấp.
- D. chịu ảnh hưởng mạnh của gió phơn Tây Nam nên rất nóng.

Câu 200: Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là do

- A. nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.
- B. hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.
- C. việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.
- D. giao thông vận tải đường thuỷ phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.

Câu 201: Hệ quả hoạt động của gió mùa đông đối với nước ta là

- A. gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. tạo mùa đông lạnh ở miền Bắc.
- C. gây mưa phùn cho Nam Trung Bộ.
- D. gây mưa cho cả nước.

- Câu 202:** Đất đai ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa là do
- bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
 - trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.
 - các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.
 - đồng bằng nằm ở chân núi nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.
- Câu 203:** Khi Tây nguyên vào mùa mưa thì sườn Đông Trường Sơn có
- mưa lớn.
 - gió Đông lạnh khô.
 - mưa phùn.
 - gió Tây khô nóng.
- Câu 204:** Gió mùa Đông Bắc khi đến vùng Bắc Trung Bộ
- chỉ làm ảnh hưởng tới khu vực núi cao.
 - đã bị suy yếu, không còn ảnh hưởng tới vùng.
 - chỉ làm ảnh hưởng tới khu vực ven biển.
 - vẫn còn ảnh hưởng mạnh.
- Câu 205:** Khí hậu miền nam Trung Bộ và Nam Bộ
- mùa đông ít mưa, mùa hạ mưa nhiều.
 - phân một mùa nóng một mùa lạnh.
 - phân 4 mùa xuân- hạ -thu- đông.
 - phân chia hai mùa mưa khô rõ rệt.
- Câu 206:** Khí hậu miền Tây Bắc lạnh chủ yếu là do
- gió mùa Tây Nam.
 - gió từ biển thổi vào.
 - gió mùa Đông Bắc.
 - địa hình núi cao.
- Câu 207:** Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?
- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
 - Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
 - Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.
 - Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của sông ngòi.
- Câu 208:** Từ vĩ tuyến 16°B trở vào, về mùa đông, gió thịnh hành là
- gió Tây Nam thổi từ cao áp bắc Ấn Độ Dương.
 - gió Tây Nam thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Nam.
 - gió mùa Đông Bắc thổi từ cao áp cận cực.
 - gió Đông Bắc thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- Câu 209:** Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là do
- có lượng mưa lớn nhất nước.
 - có mật độ dân số cao nhất nước ta.
 - có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
 - có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.
- Câu 210:** Một trong những nguyên tắc quản lý, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ là
- duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.
 - bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn.
 - đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
 - bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc.
- Câu 211:** Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ
- nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
 - nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
 - nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
 - giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
- Câu 212:** Mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động của
- gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
 - gió mùa Tây Nam và Tín Phong.
 - gió Tín Phong và dải hội tụ nhiệt đới.
 - gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.
- Câu 213:** Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?
- Sông ngòi dày đặc, chủ yếu là sông lớn.
 - Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.

C. Chế độ nước sông theo mùa.

D. Chế độ dòng chảy sông ngòi thất thường.

Câu 214: Mưa phùn là loại mưa diễn ra

A. vào nửa sau mùa đông ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

B. vào nửa đầu mùa đông ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ

C. vào nửa đầu mùa đông ở Nam trung Bộ và Nam Bộ.

D. vào nửa sau mùa đông ở Nam trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 215: Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long do

A. địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.

B. lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.

C. lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng.

D. mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

Câu 216: Động vật nào sau đây không biểu hiện cho phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

A. Thú có lông dày (gấu, chồn...).

B. Thú lớn (voi, hổ, báo).

C. Thú có móng vuốt.

D. Trăn, rắn, cá sấu...

Câu 217: Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm Đồng Bằng Sông Cửu Long?

A. Có hệ thống đê bao bọc.

B. Về mùa lũ nước ngập trên diện rộng.

C. Gần 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn.

D. Địa hình thấp và bằng phẳng.

Câu 218: Tài nguyên rừng Việt Nam bị suy thoái nghiêm trọng thể hiện ở

A. chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

B. diện tích rừng suy giảm.

C. diện tích đồi núi trọc tăng lên.

D. độ che phủ rừng giảm.

Câu 219: Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là

A. củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

B. sơ tán dân đến nơi an toàn, tránh xa vùng có bão.

C. thông báo cho các tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.

D. có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

Câu 220: Chế độ dòng chảy sông ngòi nước ta thất thường do

A. chế độ mưa trong năm thất thường.

B. độ dốc lòng sông lớn, nhiều thác ghềnh.

C. sông có đoạn chảy ở miền núi, có đoạn chảy ở đồng bằng.

D. lòng sông nhiều nơi bị phù sa đắp.

Câu 221: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm của Đồng bằng sông Hồng?

A. Đất ngoài đê gồm các khu ruộng cao bạc màu và các vùng trũng lớn.

B. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

C. Đã được con người khai thác từ lâu đời và biến đổi mạnh mẽ.

D. Đồng bằng bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

Câu 222: Nguồn tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa quan trọng nhất biển Đông nước ta là

A. dầu mỏ.

B. titan.

C. muối.

D. sa khoáng.

Câu 223: Đặc điểm nào sau đây không phải của tính chất nhiệt đới ẩm khí hậu nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình năm dưới 20^{0C}.

B. Độ ẩm không khí trên 80%.

C. Tổng số giờ nắng từ 1400- 3000h/năm.

D. Cán cân bức xạ dương quanh năm.

Câu 224: Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do

A. địa hình thấp nên thủy triều lấn sâu vào mùa khô.

B. sông ngòi nhiều tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu trong đất liền.

C. biển bao quanh, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.

D. có nhiều vùng trũng lớn dễ bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Câu 225: Gió thổi vào nước ta mang thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa và lạnh ẩm vào cuối mùa cho miền Bắc là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió Tây Nam từ vịnh Tây Bengal.
- C. gió Tây Nam.
- D. gió mậu dịch nửa cầu Bắc.

Câu 226: Đồng bằng châu thổ sông Hồng và ĐBSCL hàng năm lấn ra biển từ vài chục đến vài trăm m là do

- A. xâm thực mạnh ở miền đồi núi.
- B. sông có lượng nước chảy hằng năm lớn.
- C. nước sông chảy chậm, phù sa lắng đọng nhanh.
- D. nước sông chảy nhanh.

Câu 227: Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do vị trí địa lí nằm

- A. trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương.
- B. ở khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới.
- C. trên đường di lưu và di cư của nhiều loại động, thực vật.
- D. tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 228: Dải đồng bằng miền Trung không liên tục mà bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ do

- A. có nhiều dãy núi ăn lan ra sát biển.
- B. có nhiều cồn cát, đầm phá.
- C. sông ở đây có lượng phù sa nhỏ.
- D. thêm lục địa ở khu vực này thu hẹp.

Câu 229: Đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là

- A. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
- B. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- C. phần lớn sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
- D. lượng mưa phân bố không đều giữa các hệ sông.

Câu 230: Điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

- A. Gây ra hiện tượng phơn khi vượt qua dãy Trường Sơn.
- B. Bị biến tính và suy yếu dần khi di chuyển về phía Nam.
- C. Chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.
- D. Thổi từng đợt, không kéo dài liên tục.

Câu 231: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

- A. Sông ngòi đầy nước quanh năm.
- B. Phần lớn là sông nhỏ.
- C. Sông ngòi giàu phù sa.
- D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 232: Nước ta ban hành sách đỏ nhằm

- A. quản lí số lượng loài động thực vật ở nước ta.
- B. bảo vệ động thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.
- C. bảo vệ tất cả các giống loài động thực vật.
- D. hạn chế mức độ khai thác động thực vật.

Câu 233: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc có

- A. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.
- B. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.
- C. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.
- D. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.

Câu 234: Thời gian khô hạn kéo dài nhất tập trung ở các tỉnh

- A. Huyện Mường Xén của tỉnh Nghệ An.
- B. Ninh Thuận và Bình Thuận.
- C. Quảng Bình và Quảng Trị
- D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 235: Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là do

- A. chiến tranh (bom đạn, chất độc hóa học).
- B. khai thác không theo một chiến lược nhất định.
- C. công nghệ khai thác lạc hậu.
- D. nạn cháy rừng.

Câu 236: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của gió mùa mùa hạ?

- A. Đầu mùa gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Tạo không khí lạnh khô và lạnh ẩm.
- C. Gây nóng khô cho ven biển Trung Bộ vào đầu mùa.
- D. Giữa và cuối mùa gây mưa cho cả miền Bắc và miền Nam.

Câu 237: Sông ngòi ở khu vực nào sau đây thường có mùa lũ vào thời kì thu đông?

- A. Đông Bắc.
- B. Đông Trường Sơn.
- C. Đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng Nam Bộ.

Câu 238: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của gió mùa mùa đông?

- A. Nửa đầu mùa đông: lạnh khô.
- B. Phạm vi ảnh hưởng cả nước.
- C. Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm.
- D. Phạm vi ảnh hưởng chủ yếu là miền Bắc.

Câu 239: Sự phân hóa địa hình: vùng biển – thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo

- A. Bắc – Nam.
- B. Đông – Tây.
- C. độ cao.
- D. vĩ độ.

Câu 240: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta có ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất tới hoạt động

- A. sản xuất công nghiệp.
- B. sản xuất nông nghiệp.
- C. thương mại.
- D. du lịch.

Câu 241: Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. Hạn chế dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con.
- B. Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn.
- C. Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.
- D. Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.

Câu 242: Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình nước ta?

- A. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.
- B. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- C. Hầu hết là địa hình núi cao.
- D. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 243: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở biển Đông nước ta là

- A. cát trắng.
- B. dầu khí.
- C. muối biển.
- D. titan.

Câu 244: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.
- B. bão lụt với tần suất lớn, trượt lở đất mùa mưa.
- C. xói mòn, rửa trôi đất, lũ lụt, thiếu nước vào mùa khô.
- D. thời tiết bất ổn định, dòng chảy sông ngòi thất thường.

Câu 245: Nhịp điệu dòng chảy trong năm của sông ngòi nước ta chủ yếu phụ thuộc vào

- A. diện tích lưu vực sông.
- B. độ dài của sông.
- C. chế độ mưa mùa.
- D. độ dốc của lòng sông.

Câu 246: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc, nên

- A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- B. khí hậu có bốn mùa rõ rệt.
- C. có nền nhiệt độ cao.
- D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 247: 29 Loại gió có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. tín phong.
- D. gió mùa Đông Nam.

Câu 248: Hệ sinh thái nào sau đây không phải là hệ sinh thái vùng ven biển nước ta?

- A. Hệ sinh thái trên đất phèn.
- B. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.
- C. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. Hệ sinh thái rừng trên các đảo.

Câu 249: Ở nước ta, nơi có chế độ khí hậu với mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh khô, hai mùa chuyển tiếp xuân thu là

- A. khu vực phía đông dãy Trường Sơn.
- B. khu vực phía nam vĩ tuyến 16^0 B.
- C. khu vực phía bắc vĩ tuyến 16^0 B.
- D. khu vực Tây nguyên và Nam Bộ.

Câu 250: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

- A. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
- B. lãnh thổ kéo dài từ $8^034'$ B đến $23^023'$ B, thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
- C. nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loại động, thực vật.
- D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

Câu 251: Ý nào sau đây không đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên bằng phẳng.
- B. Có các cao nguyên bazan tương đối bằng phẳng.
- C. Có sự đối xứng rõ rệt giữa 2 sườn đông-tây của Trường Sơn Nam.
- D. Khối núi komatit và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ.

Câu 252: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta quy định bởi

- A. vai trò của biển Đông.
- B. sự hiện diện của khối khí tín phong.
- C. nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.
- D. Ảnh hưởng gió mùa Tây Nam.

Câu 253: Thế mạnh nào sau đây không phải của khu vực đồng bằng?

- A. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- B. Là nơi có điều kiện tập trung các thành phố, các khu công nghiệp.
- C. Các sông ở đồng bằng có tiềm năng thủy điện rất lớn.
- D. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

Câu 254: Mặc dù nước ta có $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn, nguyên nhân là do

- A. tác động tín phong Bắc bán cầu.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
- D. địa hình phân hóa đa dạng.

Câu 255: Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách

- A. quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng.
- B. đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.
- C. áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác nông - lâm.
- D. tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.

Câu 256: Đất feralit có màu đỏ vàng do

- A. nhận được nhiều ánh sáng Mặt Trời.
- B. hình thành trên đá mẹ có nhiều chất bado.
- C. tích tụ nhiều ôxit sắt và ôxit nhôm.
- D. lượng phù sa trong đất lớn.

Câu 257: Khí hậu được phân chia thành hai mùa mưa và khô thể hiện rõ là ở

- A. vùng duyên hải miền trung.
- B. dãy Bạch Mã trở ra bắc.
- C. dãy Bạch Mã trở vào nam.
- D. trên phạm vi cả nước.

Câu 258: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, khu vực ảnh hưởng của gió Mậu Dịch và gió mùa, nên

- A. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
- B. có nhiều tài nguyên khoáng sản
- C. khí hậu có hai mùa rõ rệt.
- D. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 259: Khó khăn thường xuyên đối với giao lưu kinh tế giữa các vùng miền núi là

- A. lũ nguồn, trượt lở.
- B. động đất, sạt lở.
- C. địa hình bị chia cắt mạnh.
- D. lũ quét, xói mòn.

Câu 260: Ở Đồng bằng sông Hồng vùng đất ngoài đê là nơi

- A. có nhiều ô trũng ngập nước.
- B. không được bồi phù sa hằng năm.
- C. thường xuyên được bồi đắp phù sa.
- D. có bậc ruộng cao, bạc màu.

Câu 261: Ở Trung bộ, nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào các tháng 9-10 là do

- A. mưa lớn kết hợp với triều cường.
- B. các hệ thống sông lớn, lưu vực sông rộng.
- C. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- D. mưa diện rộng, mặt đất thấp xung quanh lại có đê bao bọc.

Câu 262: Nguyên nhân hình thành gió phơn ở Bắc Trung Bộ là do

- A. gió mùa Đông Bắc vượt qua dãy Hoàng Sơn.
- B. gió mùa Tây Nam vượt qua dãy Bạch Mã.
- C. gió mùa Đông Bắc vượt qua Hoàng Liên Sơn.
- D. gió mùa Tây Nam vượt qua Trường sơn Bắc

II. ĐỊA LÝ DÂN

Câu 263: Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

- A. Ê đê.
- B. Kinh.
- C. Tày.
- D. Mường.

Câu 264: Hai quốc gia Đông Nam Á có dân số đông hơn nước ta là

- A. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.
- B. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.
- C. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.
- D. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

Câu 265: Hơn 3 triệu người Việt hiện đang sinh sống ở nước ngoài, tập trung nhiều nhất là ở

- A. Liên Bang Nga.
- B. Hoa Kỳ, Ôtraylia.
- C. Anh và một số nước Tây Âu khác.
- D. Các nước Đông Âu.

Câu 266: Gia tăng dân số tự nhiên được tính bằng

- A. số người xuất cư trừ số người nhập cư.
- B. tỉ suất sinh trừ tỉ suất tử.
- C. số người xuất cư cộng số người nhập cư.
- D. tỉ suất sinh cộng tỉ suất tử.

Câu 267: Dân số đông đem lại thuận lợi nào cho kinh tế nước ta?

- A. Chất lượng lao động cao.
- B. Nguồn lao động dồi dào.
- C. Thu nhập người dân tăng.
- D. Có nhiều việc làm mới.

Câu 268: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. đông Nam Bộ.
- B. duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. đồng bằng sông Hồng.
- D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 269: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta đang có sự biến đổi theo hướng

- A. tỉ trọng dân số ở nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi và nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi giảm, nhóm tuổi từ 60 trở lên tăng.
- B. tỉ trọng dân số ở nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi và nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi tăng, nhóm tuổi từ 60 trở lên giảm.
- C. tỉ trọng dân số ở nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi giảm, nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên tăng.
- D. tỉ trọng dân số ở nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi tăng, nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi và 60 tuổi trở lên giảm.

Câu 270: Hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ là

- A. những người trong độ tuổi sinh đẻ lớn.
- B. gây sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm.
- C. khó hạ tỉ lệ tăng dân.
- D. gánh nặng phụ thuộc lớn.

Câu 271: Dân cư nước ta hiện nay phân bố

- A. chủ yếu ở thành thị.
- B. phần lớn ở khu vực đồng bằng.
- C. đồng đều giữa các vùng.
- D. hợp lí giữa các vùng.

Câu 272: Tuy gia tăng tự nhiên dân số giảm, nhưng dân số nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tuổi thọ ngày càng cao.
- B. Quy mô dân số lớn.
- C. Gia tăng cơ học cao.
- D. Cơ cấu dân số già.

Câu 273: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm

- A. hạ tỉ lệ tăng dân ở khu vực này.

- B. phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.
- C. phát huy truyền thống sản xuất của các dân tộc ít người.
- D. tăng dần tỉ lệ dân thành thị trong cơ cấu dân số.

Câu 274: Nhân tố nào sau đây có tính chất quyết định đến sự phân bố dân cư nước ta hiện nay?

- A. Tài nguyên thiên nhiên.
- B. Trình độ phát triển kinh tế.
- C. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
- D. Quá trình xuất cư- nhập cư.

Câu 275: Phần lớn dân cư nước ta hiện sống ở nông thôn do

- A. nông nghiệp hiện là ngành kinh tế phát triển nhất.
- B. quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.
- C. có sự di dân từ thành thị về nông thôn.
- D. điều kiện sống ở nông thôn cao hơn ở thành thị.

Câu 276: Ý nào không đúng trong sự bùng nổ dân số ở nước ta?

- A. Khác nhau giữa các thời kì.
- B. Giống nhau ở các vùng lãnh thổ.
- C. Khác nhau về tốc độ.
- D. Khác nhau từng thành phần dân tộc.

Câu 277: Mật độ dân số trung bình của Đồng bằng sông Hồng lớn gấp 2,8 lần Đồng bằng sông Cửu Long được giải thích bằng nhân tố

- A. điều kiện tự nhiên.
- B. lịch sử khai thác lãnh thổ.
- C. tính chất của nền kinh tế.
- D. trình độ phát triển kinh tế.

Câu 278: Thành phần dân tộc của Việt Nam phong phú và đa dạng là do

- A. Việt Nam là nơi loài người định cư khá sớm.
- B. nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.
- C. tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.
- D. có nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc dân tộc.

Câu 279: Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng không phải là do

- A. có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và cư trú.
- B. trồng lúa nước cần nhiều lao động.
- C. có nhiều trung tâm công nghiệp.
- D. vùng mới được khai thác gần đây.

Câu 280: Sự phân bố dân cư không đều và chưa hợp lí đã ảnh hưởng lớn đến

- A. nâng cao tay nghề cho người lao động.
- B. bảo vệ tài nguyên môi trường.
- C. nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.

Câu 281: Tỉ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp, nguyên nhân chính là do

- A. nước ta không có nhiều thành phố lớn.
- B. kinh tế chính của nước ta là nông nghiệp thâm canh lúa nước.
- C. dân ta thích sống ở nông thôn hơn vì mức sống thấp.
- D. trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao.

Câu 282: Thời gian qua, mức gia tăng dân số nước ta giảm là do

- A. tỉ lệ người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.
- B. quy mô dân số giảm.
- C. dân số có xu hướng già hóa.
- D. chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

Câu 283: Đặc điểm nào sau đây không đúng về dân số và phân bố dân cư ở nước ta hiện nay?

- A. Phân bố dân cư chưa hợp lí giữa thành thị với nông thôn.
- B. Đông dân, nhiều thành phần dân tộc.
- C. Phân bố dân cư chưa hợp lí giữa đồng bằng với trung du, miền núi.
- D. Dân số tăng rất nhanh, cơ cấu dân số trẻ.

Câu 284: Khi phân bố lại dân cư ở vùng đồng bằng sẽ dẫn đến thuận lợi nào cho vùng này?

- A. Giải quyết hết việc làm cho người lao động.
- B. Giảm ít lao động và tăng thêm việc làm cho người dân.
- C. Tăng thêm nguồn lao động cho vùng.
- D. Tổ chức sản xuất và sử dụng lao động hợp lí hơn.

Câu 285: *Gia tăng dân số nhanh không tạo nên sức ép rất lớn đối với*

- A. việc nâng cao chất lượng cuộc sống.
- B. sự phát triển kinh tế của đất nước.
- C. tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- D. sự phân bố dân cư trên đất nước.

Câu 286: *Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?*

- A. Dân tộc kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng số dân.
- B. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.
- C. Mức sống của một số bộ phận dân tộc ít người còn thấp.
- D. Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

III. BÀI TẬP SỬ DỤNG ATLAT

Câu 287: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào trên đất liền?*

- A. Lào, Campuchia, Thái Lan.
- B. Trung Quốc, Campuchia, Mianma.
- C. Trung Quốc, Lào.
- D. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Câu 288: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông lớn duy nhất nước ta có dòng chảy đổ nước sang Trung Quốc là*

- A. Sông Thái Bình
- B. Sông Mê Công
- C. Sông Hồng
- D. Sông Kỳ Cùng- Sông Bằng Giang

Câu 289: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết vùng biển nước nào sau đây không giáp vùng biển Việt Nam*

- A. Trung Quốc
- B. Bru nây.
- C. Singapo.
- D. Mianma

Câu 290: *Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung, ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9 khu vực ở nước ta chịu tác động của gió Đông Nam thịnh hành vào mùa hạ là*

- A. Nam Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Đông Bắc Bộ

Câu 291: *Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết phạm vi ảnh hưởng của Gió mùa mùa hạ?*

- A. Khu vực Trường Sơn Nam
- B. Khu vực Tây Bắc
- C. Khu vực Trường Sơn Bắc
- D. Cả nước

Câu 292: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào nước ta nhiều nhất là*

- A. tháng XI.
- B. tháng VIII.
- C. tháng X.
- D. tháng IX.

Câu 293: *Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết trong số các Cao nguyên, Sơn Nguyên sau Cao nguyên, Sơn nguyên nào nằm trong miền Tây bắc và Bắc Trung bộ?*

- A. Sơn nguyên Hà Giang
- B. Sơn nguyên Đồng Văn
- C. Sơn nguyên Cao Bằng
- D. Cao nguyên Sơn La

Câu 294: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hai hồ nước lớn ở lưu vực sông Đồng Nai:*

- A. hồ Dầu Tiếng, hồ Kẻ Gỗ
- B. hồ Dầu Tiếng, hồ Lắk
- C. hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An
- D. hồ Trị An, hồ Thác Bà

Câu 295: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có đường biên giới chung với Lào?*

- A. 12.
- B. 11.
- C. 10.
- D. 13.

Câu 296: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng tây bắc – đông nam?*

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Hoàng Liên Sơn.
- C. Bạch Mã.
- D. Pu Đen Đinh.

Câu 297: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?*

- A. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.
- B. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.
- C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.
- D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 298: *Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, khu vực phân bố chủ yếu của loài bò tót thuộc phân khu Địa lí động vật là*

- A. Khu Bắc Trung Bộ
C. Khu Nam Trung Bộ

- B. Khu Đông Bắc
D. Khu Trung Trung Bộ

Câu 299: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Lai Châu B. Sơn La. C. Điện Biên. D. Lào Cai

Câu 300: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Bắc Bộ.

Câu 301: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 13, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm của bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc?

- A. So le với nhau. B. Song song với nhau.
C. Chụm lại ở Tam Đảo mở rộng về phía Bắc và Đông D. Có hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 302: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết cảng nước sâu Dung Quất thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 303: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 12, khu vực phân bố chủ yếu của loài bò tót thuộc phân khu Địa lí động vật là

- A. Khu Nam Trung Bộ B. Khu Đông Bắc
C. Khu Bắc Trung Bộ D. Khu Trung Trung Bộ

Câu 304: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 12, các địa danh nào dưới đây không phải là khu dự trữ sinh quyển thế giới:

- A. Tam Đảo B. Cù Lao Chàm C. Cát Tiên D. Cát Bà

Câu 305: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng VIII. B. Tháng VII. C. Tháng VI D. Tháng IX.

Câu 306: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với nước nào dài nhất?

- A. Lào. B. Trung Quốc. C. Campuchia. D. Thái Lan

Câu 307: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 15, hãy cho biết vùng nào có mật dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Tây Nguyên.

Câu 308: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh ở mức là bao nhiêu?

- A. Trên 24°C. B. Trên 20°C. C. Dưới 18°C. D. Từ 20°C đến 24°C.

Câu 309: Căn cứ vào *Atlas địa lí Việt Nam* trang 13-14, hãy cho biết trong số các Cao nguyên sau, Cao nguyên nào không nằm trong miền Nam Trung bộ và Nam bộ?

- A. Cao nguyên Mộc Châu B. Cao nguyên Kon Tum
C. Cao nguyên Lâm Viên D. Cao nguyên Di Linh

Câu 310: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết tổng lượng mưa của nước ta thấp nhất vào thời gian nào sau đây?

- A. Từ tháng IX đến tháng XII. B. Từ tháng XI đến tháng IV.
C. Từ tháng V đến tháng X. D. Từ tháng I đến tháng IV.

Câu 311: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, thời kì có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

- A. tháng X. B. tháng IX. C. tháng VIII. D. tháng XI.

Câu 312: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 14, lát cắt địa hình A - B đi theo hướng

- A. Đông Nam - Tây Bắc. B. Tây Nam - Đông Bắc.
C. Đông - Tây. D. Bắc - Nam.

Câu 313: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Campuchia?

- A. Gia Lai B. Quảng Nam C. Kiên Giang D. Bình Phước

Câu 314: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Rừng tre nứa B. Thảm thực vật nông nghiệp
C. Rừng trên núi đá vôi D. Rừng kín thường xanh

Câu 315: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực nam của nước ta nằm ở

- A. mũi Ngọc. B. mũi Cà Mau. C. mũi Kê Gà. D. mũi Đại Lãnh.

Câu 316: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về sự phân hóa chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm không có sự phân hóa theo thời gian.
C. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo thời gian.
D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian và theo thời gian.

Câu 317: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Đồng Nai. B. Lưu vực sông Thu Bồn.
C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng). D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 318: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào miền khí hậu phía Bắc ít nhất là

- A. tháng VI và tháng VII. B. tháng VIII và tháng IX.
C. tháng IX và tháng X. D. tháng XI và tháng XII.

Câu 319: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây không có gió Tây khô nóng?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ. D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

Câu 320: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Hà Giang. B. Điện Biên. C. Lào Cai D. Cao Bằng.

Câu 321: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi cao nhất ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. Phanxipăng. B. Phu Luông. C. Pu Hoạt. D. Pu Trà.

Câu 322: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây không thuộc đồng bằng sông Hồng?

- A. Ba Bể B. Cát Bà C. Ba Vì D. Xuân Thủy

Câu 323: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh Phanxipăng thuộc dãy núi

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Con Voi. C. Tam Điệp. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 324: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thời gian nào sau đây (theo số liệu đo được ở trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)?

- A. Tháng III đến tháng IV. B. Tháng I đến tháng III.
C. Tháng V đến tháng X. D. Tháng X đến tháng XII.

Câu 325: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào?

- A. Trường Sơn Bắc. B. Hoàng Sơn. C. Bạch Mã. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 326: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Trung Quốc?

- A. Cao Bằng B. Lào Cai C. Tuyên Quang D. Lạng Sơn

Câu 327: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Tiền thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Cả. B. Lưu vực sông Mã.
C. Lưu vực sông Mê Công. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 328: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Đắc Lắc. B. Mơ Nông. C. Lâm Viên. D. Kon Tum.

Câu 329: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ, trạm Hà Nội và trạm Củng Sơn)?

- A. Sông Đà Rằng B. Sông Hồng.
C. Sông Mê Công (Cửu Long). D. Sông Mã.

Câu 330: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào có chung biên giới với Trung Quốc và Lào?

- A. Sơn La. B. Lào Cai. C. Điện Biên. D. Lai Châu.

Câu 331: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Krông Pokô thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng). B. Lưu vực sông Thu Bồn.
C. Lưu vực sông Mê Công. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 332: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây không giáp biển Đông?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Hải Phòng. C. Cần Thơ. D. Đà Nẵng.

Câu 333: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhận xét nào dưới đây không đúng về sự ảnh hưởng của bão đến nước ta?

- A. Đầu mùa bão chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp vào miền khí hậu phía Bắc.
B. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
C. Tần suất ảnh hưởng của bão chủ yếu từ tháng VIII đến tháng X.
D. Bão chỉ ảnh hưởng ở khu vực Bắc Trung Bộ.

Câu 334: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Kỳ Cùng – Bằng Giang. B. Lưu vực sông Thái Bình.
C. Lưu vực sông Mã. D. Lưu vực sông Hồng.

Câu 335: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đảo nào sau đây thuộc tỉnh Kiên Giang?

- A. Cồn Cỏ. B. Phú Quý. C. Lý Sơn. D. Phú Quốc.

Câu 336: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng). B. Lưu vực sông Thu Bồn.
C. Lưu vực sông Mê Công. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 337: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào?

- A. Bà Rịa – Vũng Tàu. B. Ninh Thuận. C. Bình Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 338: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết Cao nguyên nào không nằm trong Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- A. Cao nguyên Sín Chải B. Cao nguyên Mộc Châu
C. Cao nguyên Sơn La D. Cao nguyên Hòa Phan

Câu 339: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

- A. Tám. B. Sáu. C. Bảy. D. Chín.

Câu 340: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta theo hướng nào?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. D. Tây Nam.

Câu 341: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào dưới đây?

- A. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

Câu 342: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cao nguyên nào dưới đây không thuộc vùng núi Tây Bắc?

- A. Mộc Châu B. Sín Chải C. Tà Phình D. Lâm Viên

Câu 343: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mê Công. B. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
C. Lưu vực sông Thu Bồn. D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 344: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây không có đường biên giới chung với Lào?

- A. Điện Biên. B. Kon Tum. C. Sơn La D. Gia Lai.

Câu 345: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, các trạm khí hậu có chế độ mưa vào mùa thu-đông tiêu biểu ở nước ta là

- A. Đà Lạt, Cần Thơ, Cà Mau B. Hà Nội, Điện Biên, Lạng Sơn
C. SaPa, Lạng Sơn, Hà Nội D. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang

Câu 346: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết số tỉnh, thành phố có chung đường biên giới với Campuchia là

- A. 13. B. 12. C. 11. D. 10.

Câu 347: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta là “Ngã ba Đông Dương”?

- A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Đà Nẵng.

Câu 348: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, không có tỉnh nào sau đây

- A. Tuyên Quang B. Cao Bằng C. Hà Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 349: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích vùng Tây Nguyên có mật độ dân số (năm 2007) ở mức:

- A. Dưới 100 người/km² B. Từ 2001-500 người/km²
C. Trên 500 người/km² D. Từ 101-200 người/km²

Câu 350: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất feralit trên đá bazan có quy mô lớn nhất nước ta là

- A. Tây Nguyên B. Bắc Trung Bộ C. Đông Nam Bộ D. Đông Bắc

Câu 351: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 25°C?

- A. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh. B. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.
C. Biểu đồ khí hậu Đà Nẵng. D. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.

Câu 352: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

- A. Pu Tha Ca. B. Tây Côn Lĩnh. C. Kiều Liêu Ti. D. Pha Luông.

Câu 353: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu vực sông nào sau đây hầu hết không chảy trực tiếp ra biển?

- A. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Đồng bằng sông Cửu Long).
B. Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Tây Nguyên).

Câu 354: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số các tỉnh sau tỉnh nào không tiếp giáp với Lào?

- A. Quảng Bình B. Điện Biên C. Sơn La D. Hòa Bình

Câu 355: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 11, hai loại đất chiếm ưu thế diện tích lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. đất xám trên phù sa cổ, đất feralit trên đá vôi. B. đất phù sa sông, đất xám trên phù sa cổ.
C. đất phèn, đất feralit trên đá bazan D. đất feralit trên đá bazan, đất xám trên phù sa cổ.

Câu 356: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có lượng mưa lớn tập trung từ tháng IX đến tháng XII?

- A. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn. B. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
C. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt. D. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.

Câu 357: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mê Công. B. Lưu vực sông Thu Bồn.
C. Lưu vực sông (Đà Rằng). D. Lưu vực sông Đồng Nai.

Câu 358: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Côn Sơn (Côn Đảo) thuộc tỉnh nào?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Bạc Liêu. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 359: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết vùng ven biển duyên hải miền Trung giới hạn từ.....đến.....

- A. Nghệ An/ Bình Thuận B. Nghệ An/ Bà Rịa-Vũng Tàu
C. Thanh Hóa/ Bà Rịa-Vũng Tàu. D. Thanh Hóa/ Bình Thuận.

Câu 360: Căn cứ vào bản đồ Nhiệt độ ở Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, nền nhiệt độ trung bình tháng 1 ở phía Bắc phổ biến là:

- A. Dưới 14⁰c B. Dưới 18⁰c C. Trên 24⁰c D. Từ 18⁰c- 24⁰c

Câu 361: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 14, đỉnh núi có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Kon Ka Kinh B. Ngọc Linh C. Bà Đen D. Lang Bian

Câu 362: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Nam Bộ.

Câu 363: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết theo thứ tự các tỉnh ven biển từ Bắc vào Nam là

- A. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam
B. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi
C. Quảng Nam Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa
D. Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh

Câu 364: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 12, thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở khu vực nào của nước ta?

- A. Vùng cao nguyên Lâm Viên B. Vùng núi Hoàng Liên Sơn
C. Vùng núi Ngọc Linh- Vùng núi Hoàng Liên Sơn D. Vùng núi Phong Nha – Kẻ Bàng

Câu 365: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4-5, các tỉnh nào ở Đồng bằng sông Cửu Long không giáp biển là

- A. Bến Tre – Trà Vinh B. Hậu Giang – Vĩnh Long
C. Cà Mau – Kiên Giang D. Sóc Trăng – Bạc Liêu

Câu 366: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.
- D. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).

Câu 367: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa đông thổi vào nước ta theo hướng nào?

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Đông Nam.
- D. Tây Nam.

Câu 368: Căn cứ vào biểu đồ đường ở *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là

- A. Tháng 11, tháng 8, tháng 10
- B. Tháng 10, tháng 8, tháng 10
- C. Tháng 10, tháng 8, tháng 11
- D. Tháng 9, tháng 8, tháng 11

Câu 369: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
- B. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.
- C. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.
- D. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

Câu 370: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

- A. Nam Bộ.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đông Bắc Bộ.

Câu 371: Căn cứ vào *Atlas Địa lí Việt Nam* trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Thành phố Nha Trang.
- B. Tỉnh Khánh Hòa.
- C. Thành phố Đà Nẵng.
- D. Thành phố Bà Rịa-Vũng Tàu

IV. NHẬN XÉT BẢNG SỐ LIỆU

Câu 372: Cho bảng số liệu

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.
- D. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.

Câu 373: Cho bảng số liệu:

CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM (Đơn vị%)

Năm	1990	2005	2009	2014
Nhóm tuổi				
Từ 0 - 14 tuổi	33,5	27,0	24,4	23,5
Từ 15 - 59 tuổi	58,4	64,0	66,9	66,3
Từ 60 tuổi trở lên	8,1	9,0	8,7	10,2

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Tỷ lệ nhóm tuổi từ 60 trở lên tăng liên tục.
- B. Tỷ lệ nhóm tuổi 0 - 14 tăng.
- C. Cơ cấu dân số đang chuyển dịch theo hướng già hóa.
- D. Cơ cấu dân số đang biến đổi theo xu hướng ngày càng trẻ.

Câu 374: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm Tiêu chí	1954	1960	1965	1970	1976	1979	1989	1999	2009	2014
Số dân (triệu người)	23,8	30,2	34,9	41,1	49,2	52,7	64,4	76,3	86,0	90,7
Tỉ lệ gia tăng DS TN (%)	1,10	3,93	2,93	3,24	3,00	2,16	2,10	1,51	1,06	1,08

Nhận xét nào sau đây không đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Giai đoạn năm 1960 - 1989, gia tăng dân số tự nhiên của nước ta rất cao.
- B. Dân số nước ta liên tục tăng qua các năm.
- C. Từ năm 1954 đến năm 2014, dân số nước ta tăng được 71 triệu người.
- D. Từ năm 1999 trở lại đây mức gia tăng dân số tự nhiên đã giảm rất mạnh chỉ còn trên 1%.

Câu 375: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ rừng (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1993	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2010	13,4	10,3	3,1	39,5
2014	13,8	10,1	3,7	40,4

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích rừng trồng của nước ta liên tục tăng.
- B. Năm 1943, diện tích rừng của nước ta hoàn toàn là rừng tự nhiên.
- C. Độ che phủ rừng của nước ta giảm liên tục.
- D. Giai đoạn năm 1943 - 1993, trồng rừng không bù lại được so với nạn phá rừng.

Câu 376: Cho bảng số liệu

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HUẾ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH (Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về chế độ mưa của Huế và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Mùa mưa ở Huế từ tháng VIII – I, ở TP. Hồ Chí Minh từ tháng V - XI.
- B. Tháng có mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP. Hồ Chí Minh tháng IX.
- C. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng III, ở TP. Hồ Chí Minh tháng II.
- D. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần TP. Hồ Chí Minh.

Câu 377: Cho bảng số liệu

CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM (Đơn vị: %)

Năm / Khu vực	Thành thị	Nông thôn
1990	19,5	80,5
1995	20,8	79,2
2000	24,2	75,8
2005	26,9	73,1
2010	30,5	69,5
2014	33,1	66,9

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Số dân nông thôn của nước ta giảm nhanh chóng.
- B. Tỷ lệ dân số nông thôn của nước ta tăng nhanh.
- C. Tỷ lệ dân số thành thị của nước ta không tăng.
- D. Chênh lệch tỉ số dân số giữa nông thôn và thành thị đang giảm lại.

Câu 378: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN PHÂN THEO CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2015

Các vùng	Diện tích (km ²)	Số dân (nghìn người)
Cả nước	330 966,9	91 713,3
Trung du và miền núi Bắc Bộ	101 369,1	13 015,0
Đồng bằng Sông Hồng	14 957,7	19 714,3
Bắc Trung Bộ	51 455,6	10 472,9
Duyên Hải Nam Trung Bộ	44 376,8	9 185,0
Tây Nguyên	54 641,0	5 607,9
Đông Nam Bộ	23 590,7	16 127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40 576,0	17 590,4

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao gấp 5 lần Đồng Bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao gấp 2,9 lần Tây Nguyên.
- C. Mật độ dân số trung bình của nước ta là 377,1 người/km².
- D. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao gấp 4,7 lần cả nước.

Câu 379: Cho bảng số liệu

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Biên độ nhiệt độ năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
- D. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.

Câu 380: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM (Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I	Nhiệt độ trung bình tháng VII	Nhiệt độ trung bình năm
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam
- B. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII càng vào Nam càng lớn
- C. Nhiệt độ trung bình tháng VII giữa các địa điểm chênh lệch nhau ít hơn so với tháng I
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I giảm dần từ Bắc vào Nam

VII. XÁC ĐỊNH DẠNG BIỂU ĐỒ

Câu 381: Cho bảng số liệu:

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA CÁC VÙNG Ở NƯỚC TA NĂM 2014

(Đơn vị: người/km²)

Các vùng	Mật độ dân số
Cả nước	274
Đồng bằng sông Hồng	1304
Trung du & miền núi Bắc Bộ	127
-Đông Bắc	155
-Tây Bắc	79
Bắc Trung Bộ	202
Duyên hải Nam Trung Bộ	205
Tây Nguyên	101
Đông Nam Bộ	669
Đồng bằng sông Cửu Long	432

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện mật độ dân số của các vùng nước ta năm 2014 là:

A. Biểu đồ thanh ngang hoặc cột

B. Biểu đồ đường

C. Biểu đồ tròn

D. Biểu đồ miền

Câu 382: Cho bảng số liệu:

Dân số Việt Nam từ 1901 – 2006 (đơn vị: triệu người)

Năm	Số dân	Năm	Số dân
1901	13,0	1970	41,0
1921	15,5	1979	52,7
1936	18,8	1989	64,8
1956	27,5	1999	76,6
1960	30,2	2006	84,2

Để thể hiện tình hình tăng dân số nước ta giai đoạn 1901 – 2006 ta vẽ biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 383: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số dân	Số dân thành thị	Số dân nông thôn
1995	71 996	14 938	57 058
2000	77 635	18 772	58 863
2005	82 392	22 332	60 060
2010	86 947	26 515	60 432
2015	91 713	31 131	60 582

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện được cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta là

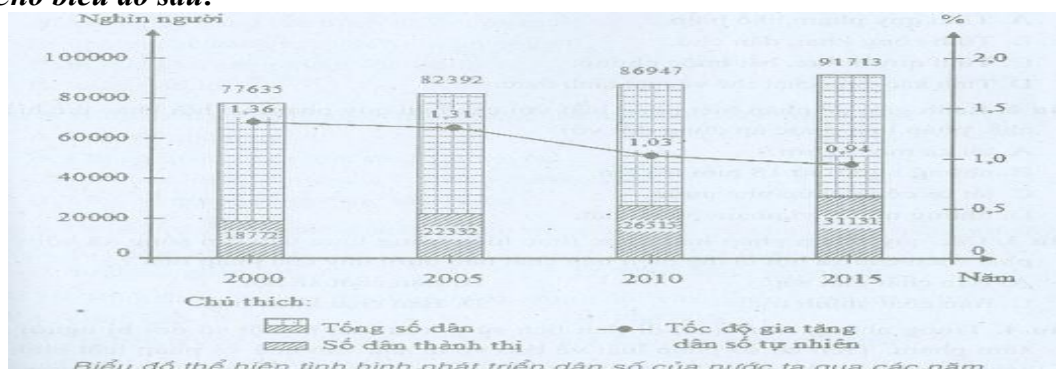
A. Biểu đồ tròn.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ miền.

D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 384: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên được gọi là

A. Biểu đồ đường.

B. Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ cột ghép.

D. Biểu đồ kết hợp (cột chồng và đường).

Câu 385: Cho bảng số liệu

Diện tích rừng nước ta giai đoạn 1943- 2009 (đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1976	1995	2003	2009
Tổng diện tích rừng	14.3	11.1	9.3	12.1	13.2

Để thể hiện tình hình biến động diện tích rừng nước ta, ta cần vẽ biểu đồ nào thích hợp.

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ cột chồng.

C. Biểu đồ tròn.

D. Biểu đồ cột.

Câu 386: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Trong đó dân thành thị (nghìn người)	Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên (%)
2000	77 635	18 772	1,36
2005	82 392	22 332	1,31
2010	86 947	26 515	1,03
2015	91 713	31 131	0,94

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện được tổng số dân trong đó có số dân thành thị và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta là:

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ kết hợp (cột chồng và đường).

HẾT